

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 253/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 tại thành phố Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-BYT ngày 05/6/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 31/01/2018 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1977/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 31/01/2018 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

Theo Công văn số 3369/BYT-TCDS ngày 19/6/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 741/TTr-SYT ngày 02/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 tại thành phố Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Kế hoạch) với các nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình điều chỉnh mức sinh) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 để triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Yêu cầu

a) Phân tích lựa chọn nguyên nhân mức sinh thấp hoặc mức sinh cao, những yếu tố tác động đến mức sinh để làm cơ sở đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp can thiệp phù hợp với đặc điểm của thành phố Đà Nẵng.

b) Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình điều chỉnh mức sinh và bảo đảm yêu cầu điều chỉnh mức sinh phù hợp của thành phố Đà Nẵng.

c) Xác định yếu tố quyết định thành công của Chương trình điều chỉnh mức sinh của thành phố là huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đặc biệt là vai trò của người đứng đầu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Duy trì vững chắc mức sinh thay thế trên phạm vi toàn thành phố; tăng mức sinh ở vùng đang có mức sinh thấp, giảm mức sinh ở vùng có mức sinh cao; duy trì mức sinh thay thế đối với vùng đang đạt mức sinh thay thế; góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và phát triển kinh tế, xã hội tại thành phố Đà Nẵng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Tổng tỷ suất sinh trung bình đến năm 2030 đạt 2,2 con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, bao gồm:

a) Tăng 10% tổng tỷ suất sinh đối với vùng có mức sinh thấp: Quận Liên Chiểu và quận Cẩm Lệ.

b) Giảm 10% tổng tỷ suất sinh đối với vùng có mức sinh cao: Huyện Hòa Vang.

c) Duy trì mức sinh thay thế đối với vùng có mức sinh thay thế tại các quận: Hải Châu, Thanh Khê, Ngũ Hành Sơn và Sơn Trà.

III. ĐỐI TƯỢNG, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đối tượng

a) Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ;

b) Lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp, tổ chức; người có uy tín, người đứng đầu tổ chức tại cộng đồng, tôn giáo, dòng họ và các cá nhân liên quan.

2. Lộ trình thực hiện

a) Giai đoạn 1: Từ năm 2021-2025: Triển khai các hoạt động của Kế hoạch trên phạm vi toàn thành phố; các quận, huyện được điều chỉnh theo các vùng mức sinh như sau:

- Vùng mức sinh thấp (tổng tỷ suất sinh trung bình giai đoạn 2015-2019 dưới 2,0 con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) gồm: Quận Liên Chiểu (1,47 con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) và quận Cẩm Lệ (1,97 con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ).

- Vùng mức sinh thay thế (tổng tỷ suất sinh trung bình giai đoạn 2015-2019 từ 2,0-2,2 con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) gồm: Quận Hải Châu (2,0 con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ), quận Thanh Khê (2,01 con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ), quận Ngũ Hành Sơn (2,04 con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) và quận Sơn Trà (2,14 con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ).

- Vùng mức sinh cao (tổng tỷ suất sinh trung bình giai đoạn 2015-2019 trên 2,2 con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) gồm: Huyện Hòa Vang (2,46 con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ).

b) Giai đoạn 2: Từ năm 2026-2030: Đánh giá, điều chỉnh vùng mức sinh, mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp chính quyền

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc việc chuyển hướng trọng tâm công tác dân số (DS) từ tập trung vào việc giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế; thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động thực hiện mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện dừng lại hai con ở vùng có mức sinh cao, duy trì kết quả ở những vùng đã đạt mức sinh thay thế, nên sinh đủ hai con ở vùng có mức sinh thấp; tập trung các hoạt động sau:

- Ban hành các văn bản theo thẩm quyền quy định hoặc kiến nghị ban hành các văn bản chỉ đạo liên quan để triển khai thực hiện; thống nhất nhận thức, quán triệt sự lãnh đạo, chỉ đạo việc chuyển hướng công tác DS từ tập trung vào việc giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế và thực hiện cuộc vận động mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến mục tiêu duy trì mức sinh thay thế; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc sinh đẻ trên cơ sở việc điều chỉnh mức sinh theo quận, huyện và đối tượng trong độ tuổi sinh đẻ.

- Cung cấp các ấn phẩm tuyên truyền, vận động phù hợp với từng vùng mức sinh.

b) Trên cơ sở xác định hiện trạng và xu hướng mức sinh từng vùng để xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện theo thẩm quyền với các chỉ tiêu cụ thể về việc điều chỉnh mức sinh của địa phương theo từng vùng cho từng giai đoạn cụ thể hướng đến mục tiêu đạt mức sinh thay thế (Mỗi gia đình, mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con); tập trung các hoạt động sau:

- Đánh giá hiện trạng và xu hướng mức sinh của từng vùng.

- Ban hành theo thẩm quyền quy định hoặc kiến nghị ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để đưa mục tiêu, chỉ tiêu về quy mô DS và mức sinh vào hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội của thành phố; rà soát, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương phù hợp với từng giai đoạn.

c) Các cấp chính quyền chủ trì, huy động các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và mọi người dân tham gia thực hiện Kế hoạch; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện; kịp thời có biện pháp điều chỉnh phù hợp với các điều kiện thực tiễn của địa phương trong từng thời kỳ; tập trung các hoạt động sau:

- Triển khai kế hoạch điều chỉnh mức sinh phù hợp với từng địa phương; phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Ban hành các quy định về cơ chế phối hợp liên ngành trong việc thực hiện kế hoạch điều chỉnh mức sinh của địa phương.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, huy động các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện kế hoạch điều chỉnh mức sinh của địa phương.

- Cung cấp các ấn phẩm tuyên truyền, vận động phù hợp với từng sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện của các địa phương, đơn vị; có biện pháp điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương trong từng thời kỳ.

d) Nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện sinh đủ hai con, nuôi dạy con cho tốt, xây dựng gia đình tiên bộ, hạnh phúc; gắn kết quá thực hiện các mục tiêu điều chỉnh mức sinh được giao cho các địa phương, đơn vị với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo chính quyền địa phương, đơn vị nhất là người đứng đầu; tập trung các hoạt động sau:

- Thực hiện cam kết trong cán bộ, công chức, viên chức về thực hiện sinh đủ hai con, nuôi dạy con cho tốt, xây dựng gia đình tiên bộ, hạnh phúc.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá, đảm bảo sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên và trách nhiệm của người đứng đầu cấp chính quyền, địa phương, đơn vị.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới và Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 31/01/2018 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW và các văn bản pháp luật liên quan; đặc biệt, tuyên truyền nội dung chuyển hướng chính sách về quy mô DS từ tập trung vào nỗ lực giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế tại thành phố Đà Nẵng; tập trung các hoạt động sau:

- Tổ chức các sự kiện truyền thông, tuyên truyền về Nghị quyết 21-NQ/TW, Chương trình hành động số 19-CTr/TU và thực hiện mục tiêu điều chỉnh mức sinh phù hợp với từng địa phương.

- Xây dựng phóng sự, bản tin phát trên truyền hình, truyền thanh và trên các phương tiện truyền thông hợp pháp khác...

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục trên Báo Đà Nẵng.

- Nhân bản các ấn phẩm truyền thông, tư vấn, vận động phù hợp.

b) Phát triển hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung truyền truyền vận động cho từng khu vực có mức sinh khác nhau, cụ thể:

- Với vùng có mức sinh cao: Xây dựng hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với khẩu hiệu là “Dừng ở hai con để nuôi, dạy cho tốt”; tiếp tục thực hiện truyền truyền về lợi ích của việc sinh đủ hai con đối với phát triển kinh tế - xã hội và nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc; tập trung vận động không kết hôn và sinh quá sớm, không sinh quá dày và không sinh con thứ 3 trở lên.

- Với vùng có mức sinh thay thế và vùng có mức sinh thấp: Xây dựng hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với khẩu hiệu là “Mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con”; tập trung truyền truyền lợi ích của việc sinh đủ hai con; các yếu tố bất lợi của việc kết hôn, sinh con quá muộn, sinh con ít đối với phát triển kinh tế - xã hội, đối với gia đình và chăm sóc bố, mẹ khi về già; tập trung vận động nam, nữ thanh niên không kết hôn muộn, không sinh con muộn, mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt.

c) Đẩy mạnh các hoạt động truyền truyền, vận động với các hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục phù hợp với văn hóa, tập quán, từng nhóm đối tượng và từng vùng mức sinh; tập trung các hoạt động sau:

- Tiếp tục tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS) - kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ).

- Tuyên truyền, vận động trực tiếp các đối tượng tại hộ gia đình, cộng đồng thông qua đội ngũ Cộng tác viên DS - Y tế và tuyên truyền của các ngành, đoàn thể địa phương.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông tại nơi đông dân cư, tập trung nhiều thanh niên; chú trọng tuyên truyền, vận động đối với các nhóm đặc thù như người lao động ở khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Tổ chức các hoạt động để phát huy vai trò của những người có uy tín, có ảnh hưởng với cộng đồng, gia đình và dòng họ, những người nổi tiếng trong lĩnh vực chính trị, khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, già làng, trưởng tổ, trưởng thôn...trong việc vận động thực hiện công tác DS và phát triển.

- Sản xuất và nhân bản các phóng sự, phim, tiểu phẩm, kịch truyền hình, truyền thanh; nhân bản và cung cấp các tài liệu, ấn phẩm truyền thông; tổ chức các loại hình văn hóa, văn nghệ quần chúng... nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền.

d) Cập nhật và triển khai những nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục mới về DS, SKSS trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục; tập trung các hoạt động sau:

- Cập nhật chương trình, tài liệu đào tạo, giáo dục DS, SKSS trong và ngoài nhà trường.

- Tập huấn, đào tạo giảng viên tuyến thành phố, học viên là giáo viên, nhân viên y tế học đường tham gia giảng dạy về DS, SKSS.

- Thí điểm và từng bước mở rộng triển khai chương trình giáo dục DS, SKSS trong và ngoài nhà trường.

đ) Thí điểm triển khai, mở rộng thực hiện chương trình giáo dục trước khi kết hôn đối với thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn về chăm sóc SKSS liên quan trực tiếp đến cuộc sống vợ chồng; chăm sóc, nuôi dạy con, quản lý kinh tế gia đình; củng cố giá trị mỗi gia đình nên có hai con, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; tập trung các hoạt động sau:

- Đánh giá nhu cầu về kiến thức, kỹ năng chăm sóc SKSS, hôn nhân, gia đình và các vấn đề có liên quan của nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn.

- Xây dựng chương trình giáo dục trước kết hôn phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng địa bàn.

- Tập huấn, đào tạo giảng viên tuyến thành phố, học viên tham gia giảng dạy chương trình giáo dục trước kết hôn.

- Thí điểm và từng bước mở rộng triển khai chương trình giáo dục trước kết hôn.

3. Đề xuất điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi các văn bản không còn phù hợp với mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế của thành phố Đà Nẵng, đảm bảo tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc.

b) Cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phù hợp với đặc điểm mức sinh của các vùng có mức sinh khác nhau; tập trung các hoạt động sau:

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích trên phạm vi toàn thành phố:

- + Rà soát, đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung mở rộng đối tượng được thụ hưởng hỗ trợ khi sinh con đúng chính sách DS.

- + Hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGĐ cho người dân có nhu cầu thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách.

- + Khen thưởng kèm theo hỗ trợ tiền hoặc hiện vật cho tập thể và cá nhân thực hiện tốt nội dung khuyến khích duy trì vững chắc mức sinh thay thế theo quy định.

- Đối với vùng mức sinh cao: Tiếp tục áp dụng và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân sinh ít con hơn:

+ Bồi dưỡng, hỗ trợ người thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, người vận động thực hiện KHHGĐ,...

+ Khuyến khích các cặp vợ chồng, gia đình, tập thể, cộng đồng không có người sinh con thứ 3 trở lên.

- Đối với vùng mức sinh thấp và vùng mức sinh thay thế:

+ Rà soát, ban hành theo thẩm quyền quy định hoặc kiến nghị ban hành văn bản bãi bỏ khuyến khích sinh ít con, các quy định liên quan đến mục tiêu giảm sinh; từng bước ban hành, thực hiện các chính sách khuyến khích sinh đủ hai con áp dụng cho các gia đình, cộng đồng.

+ Căn cứ các nội dung hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con cần thí điểm theo hướng dẫn tại điểm b, khoản 3, mục II, Điều 1 Quyết định số 588/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và điều kiện thực tế tại từng địa phương, tổ chức nghiên cứu, triển khai thí điểm và từng bước mở rộng các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con ở vùng mức sinh thấp.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ SKSS - KHHGĐ và các dịch vụ liên quan

a) Phổ cập dịch vụ KHHGĐ, chăm sóc SKSS tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn; lồng ghép các hoạt động phổ cập dịch vụ SKSS - KHHGĐ với Chương trình củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ đến năm 2030; tập trung các hoạt động sau:

- Hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGĐ cho đối tượng nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách ở vùng mức sinh cao.

- Tổ chức cung ứng các dịch vụ chăm sóc SKSS - KHHGĐ thân thiện cho vị thành niên, thanh niên; công nhân khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Tổ chức các hoạt động thúc đẩy tiếp thị xã hội, xã hội hóa cung cấp dịch vụ KHHGĐ, chăm sóc SKSS.

- Thí điểm cung cấp dịch vụ SKSS - KHHGĐ qua website, mạng xã hội facebook, zalo,...

- Dự báo nhu cầu phương tiện tránh thai theo phân đoạn thị trường đến năm 2030, tầm nhìn 2040 phục vụ xây dựng kế hoạch hằng năm, trung hạn và dài hạn.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh và thị trường tổng thể phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGĐ.

b) Xây dựng và triển khai các loại hình phòng, tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên tại cộng đồng; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, phát triển mạng lưới hỗ trợ sinh sản; tập trung các hoạt động sau:

- Thí điểm mô hình phòng, tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên thông qua chương trình giáo dục, can thiệp tại cộng đồng.

- Củng cố và phát triển mạng lưới tầm soát vô sinh; tích cực chuyển giao công nghệ hỗ trợ sinh sản.

- Thí điểm mô hình xã hội hóa dịch vụ dự phòng, tầm soát vô sinh, ung thư đường sinh sản tại cộng đồng cho nhóm DS trẻ đáp ứng nhu cầu và khả năng chi trả của người dân.

5. Các nhiệm vụ khác

a) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

- Cập nhật kiến thức mới, tập huấn lại bảo đảm đội ngũ Cộng tác viên DS - Y tế thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện sinh đủ hai con và tham gia cung cấp một số dịch vụ tới tận hộ gia đình. Đối với vùng có mức sinh thấp cần khẩn trương tập huấn cho toàn bộ Cộng tác viên DS - Y tế về kiến thức, kỹ năng mới đáp ứng nhiệm vụ chuyển trọng tâm từ giảm sinh sang sinh đủ hai con.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác DS các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép các nội dung điều chỉnh mức sinh vào nhiệm vụ, hoạt động của ngành, đơn vị.

- Xây dựng nội dung đào tạo, tập huấn về điều chỉnh mức sinh lồng ghép vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực DS, nhân khẩu học thông qua hệ thống đào tạo trong và ngoài nước.

b) Nghiên cứu khoa học và hệ thống tin quản lý

- Nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ về quy mô DS, mức sinh trong mối quan hệ qua lại với phát triển kinh tế - xã hội; các nghiên cứu về những giải pháp, can thiệp nhằm điều chỉnh mức sinh phù hợp cho từng giai đoạn và từng địa phương.

- Xem xét, đưa chỉ tiêu về duy trì vững chắc mức sinh thay thế vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2021-2030.

- Thường xuyên cung cấp thông tin về thực trạng mức sinh cho các cơ quan chỉ đạo, điều hành ở thành phố và quận, huyện.

c) Hợp tác quốc tế: Tham gia học tập và chia sẻ kinh nghiệm với các quốc gia, vùng lãnh thổ về quy mô DS và mức sinh, biện pháp điều chỉnh mức sinh.

đ) Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Định kỳ kiểm tra, giám sát hỗ trợ, đánh giá; kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn.

- Sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2020-2025 để điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với giai đoạn 2026-2030.

VI. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí

Thực hiện theo quy định tại Khoản III, Điều 1 của Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030”; được cân đối, bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của thành phố theo phân cấp quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Nội dung và mức chi: Thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước.

3. Năm 2021: Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương chủ động cân đối sắp xếp từ dự toán giao tại Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND thành phố và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện.

4. Từ năm 2022 trở đi: Hằng năm, cùng thời gian quy định về lập dự toán ngân sách nhà nước, các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan được giao nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch lập dự toán kinh phí chi tiết theo nội dung chi, mức chi đúng chế độ, chi tiêu tài chính hiện hành, gửi Sở Y tế thẩm định, tổng hợp gửi Sở Tài chính xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng quy định Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ, khuyến khích liên quan đến điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng.

c) Chỉ đạo Chi cục DS-KHHGĐ hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch hằng năm.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Bộ Y tế (Tổng cục DS-KHHGĐ) và UBND thành phố theo quy định; tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Chương trình.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu đề xuất UBND thành phố ban hành nội dung khuyến khích, khen thưởng, mức hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Thông tư 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 về hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể và cá nhân thực hiện tốt công tác dân số.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế cập nhật và tổ chức triển khai nội dung đổi mới về chương trình, phương pháp giáo dục... về DS, SKSS trong nhà trường.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì và phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng ưu tiên, đặc biệt khu công nghiệp, khu kinh tế để khuyến khích sinh đủ hai con theo quy định.

4. Sở Xây dựng: Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Xây dựng, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất chính sách hỗ trợ nhà ở cho người lao động khu công nghiệp để khuyến khích sinh đủ hai con.

5. Sở Tài chính: Trên cơ sở đề nghị của Sở Y tế và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng quy định Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Hằng năm, trên cơ sở đề xuất của các đơn vị liên quan, lồng ghép các chỉ tiêu liên quan đến mức sinh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Đồng thời, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tiến hành các thủ tục tiếp nhận và sử dụng các nguồn lực, hỗ trợ kỹ thuật từ nước ngoài, vốn viện trợ phi chính phủ để thực hiện Kế hoạch.

7. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Y tế, chỉ đạo các cơ quan truyền thông tổ chức thông tin tuyên truyền đến cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội về việc chuyển hướng chính sách về quy mô dân số từ tập trung vào nỗ lực giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế tại thành phố.

8. Các sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố: Tham gia thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

a) Chỉ đạo Phòng Y tế phối hợp với Trung tâm Y tế xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp với thực trạng mức sinh của địa phương, bố trí nguồn lực thực hiện Kế hoạch.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch hằng năm theo hướng dẫn chuyên môn của Sở Y tế (Chi cục DS-KHHGD).

c) Trình cấp thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản liên quan để đưa mục tiêu, chỉ tiêu quy mô DS và mức sinh vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của quận, huyện giai đoạn 2021-2030; rà soát, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện địa phương.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Liên đoàn Lao động thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố, Hội Nông dân thành phố và các ban, ngành, đoàn thể liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện Kế hoạch; phối hợp với Sở Y tế lồng ghép các hoạt động trong các chương trình, kế hoạch của ngành để thực hiện công tác DS và phát triển trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (Tổng cục DS-KHHGĐ) (báo cáo);
- TTTU, TTHĐND TP (báo cáo);
- CT, các PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- VP UBND TP: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, KT, KGVX.

35/4



CHỦ TỊCH

Lê Trung Chính

santy-30/03/2021 14:11:16-santy-santy-santy